

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 18/3/2021

Về việc: “*Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 488/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **DTTTr**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; (Có mặt).

* Bị đơn: Ông **TCT**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp Phú Thuận, xã Tây Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **DTTTr** trình bày như sau: Bà và ông **TCT** chung sống với nhau vào năm 1993, do mai mối, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông **T** thường

xuên ăn nhậu, về nhà đánh đập vợ, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 11/5/1995, Trần Thị Thúy K, sinh ngày 07/01/2001 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2006. Nếu ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2020 (Bút lục 19), ông TCT trình bày: Ông và bà Tr chung sống với nhau vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 11/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông không có công việc ổn định, không có thu nhập nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay bà Tr yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 11/5/1995, Trần Thị Thúy K, sinh ngày 07/01/2001 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2006. Nếu ly hôn, con chung có nguyện vọng được sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông T đến để tiến hành hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà DTTTr và ông TCT. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2006 cho bà Tr được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà Tr yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông TCT (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Tr và ông T chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông T. Do hôn nhân giữa bà Tr và ông T vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Tr và ông T.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà Tr và ông T có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 11/5/1995, Trần Thị Thúy K, sinh ngày 07/01/2001 (hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2006.

Xét thấy, thời gian ly thân, cháu V được bà Tr chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và cháu V cũng có nguyện vọng được sống với bà Tr. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu V theo khoản 1, khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX thấy cần giao cháu V cho bà Tr tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên bà Tr không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Bà Tr phải T điều kiện cho ông T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà Tr và ông T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà DTTTr và ông TCT.

* Về con chung: Giao cháu Trần Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2006 cho bà Tr được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Tr không có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Bà Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008067 ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà Tr được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Vân